HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2024/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 06 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế Toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024

của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh lý rừng trồng;

Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 311/BC-BKTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai, gồm:

1. Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc.

3. Xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại khoản 6 Điều 7 và Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

4. Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm

2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

5. Đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

6. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; Phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

7. Thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh lý rừng trồng.

8. Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai, gồm:

a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

b) Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Lào Cai, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là tổ chức);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động thanh lý rừng trồng.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản công là vật tiêu hao) trong trường hợp không phải lập thành dự án; đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Trường hợp bán trụ sở làm việc, sơ sở hoạt động sự nghiệp nhưng không thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 tài sản;

b) Xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 tài sản.

3. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư;

b) Xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này);

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương làm chủ đầu tư (trừ xe ô tô).

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ trừ tài sản quy định tại điểm b khoản này;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô).

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tịch thu; Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu là nhà, đất, xe ô tô; tài sản thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Sở Tài chính quyết định đối với tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh chuyển giao (trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô);

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan mình quyết định tịch thu (trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô);

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu; tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện chuyển giao (trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô); tài sản thuộc các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản của các đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (bao gồm cả phần mua tài sản, trang thiết bị gắn với công trình xây dựng)

1. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô;

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối với tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương sử dụng ngân sách cấp huyện và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tài sản, trang thiết bị sử dụng nguồn ngân sách cấp xã và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị từ 500 triệu đồng đến 15 tỷ đồng/nhiệm vụ thuộc nguồn ngân sách tỉnh và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị từ 500 triệu đồng đến 15 tỷ đồng/nhiệm vụ thuộc nguồn ngân sách cấp huyện và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị dưới 500 triệu đồng;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn ngân sách cấp xã và nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân của tổ chức quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI - Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.

4. Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực.

5. Đối với các Quyết định về quản lý, sử dụng tài sản công; mua sắm hàng hoá, dịch vụ; đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước; thanh lý rừng trồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TVQH; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và TPNT, Thông tin TT, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- Cổng TTĐT, Công báo, Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường